TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 19/12/2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đức Minh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thiều Quang An;
Bà Lê Thị My.
Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại: Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16a/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 40a/2025/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1998; địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
- Bị đơn: Anh Võ Văn S, sinh năm: 1998; địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, trình bày:

- Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn S đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là xã B), tỉnh Quảng Trị vào ngày 24/3/2021. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng vài năm trở đây cuộc sống vợ chồng nãy sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay đã không còn sống chung với nhau. Nay, chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.
- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn anh Võ Văn S.
- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn S không có con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Văn S:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Võ Văn S nhưng anh S không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh S đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Đương sự đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh S tại địa phương đối với ông Nguyễn Văn N, trưởng thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Võ Văn S: Vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Võ Văn S. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Võ Văn S. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Võ Văn S có nơi đăng ký cư trú tại thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H, anh Võ Văn S đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là xã B), tỉnh Quảng Trị vào ngày 24/3/2021 (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 11), đây là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị H và anh S chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, nhưng sau đó theo trình bày của chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc chị H và anh S đã không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S để tiến hành làm việc nhưng anh S vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh S bỏ mặc, không có thiện chí muốn khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh S tại địa phương đối với ông Nguyễn Văn N, trưởng thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị, kết quả: Sau khi kết hôn chị H, anh S làm ăn, sinh sống tại thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị, trong cuộc sống hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn nên vài năm trở lại đây đã không còn sống chung với nhau, anh S thường không có mặt tại địa phương.

Xét thấy, trình bày của chị H là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, thực tế mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh S đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị H yêu cầu được ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung:

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Theo hồ sơ vụ án và trình bày của chị Nguyễn Thị H không có, anh Võ Văn S vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn, vì vậy nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Võ Văn S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000765 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, anh Võ Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- UBND X. Bến Hải;
- TAND T. Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đức Minh